TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI TUẤN NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 174/2024/QĐST - HNGĐ	*Thường Tín, ngày 06 tháng 08 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2024/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996; ĐKNKTT và trú tại: thôn H, xã D, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Lê Đình T2**, sinh năm 1994; ĐKNKTT và trú tại: thôn Tỷ Trí, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 07 năm 2024;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có c sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lê Đình T2**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh sau**:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đình T2 thỏa thuận

thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lê Đình T2** có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 12/09/2019. Vợ chồng tự thỏa thuận giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh T2 tự nguyện cấp dưỡng cho cháu A số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 08/2024 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh T2 có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp cả 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn đồng)* do chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín (Biên lai số 0016367 ngày 26/07/2024). Chị T đó nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục Thi hành án;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí